TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **177/**2017/DS-PT
Ngày: 6-12-2017
V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất cho ở nhờ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thiện Kế.

Các Thẩm phán: 1- Ông Huỳnh Đức Khải

2- Ông Nguyễn Khánh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhẫn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Nguyễn Văn Sạch, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 6 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2017/TLPT-DS ngày 6 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất cho ở nhờ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 22-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 212/2017/QĐPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1- Ông Diệp Văn H, sinh năm 1948.

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

1.2- Bà Diệp Thị L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

1.3- Bà Diệp Thị H1, sinh năm 1961.

1.4- Bà Diệp Thị T2, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

1.5- Bà Diệp Thị T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

1.6- Bà Diệp Thị K, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp M, xã B, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

1.7- Bà Diệp Thị H3, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

1.8- Bà Diệp Thị L2, sinh năm 1971. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà L, bà H1, bà T2, bà T, bà K, bà H3: Bà Diệp Thị L2, sinh năm 1971, theo văn bản ủy quyền ngày 22-12-2014.

Địa chỉ: ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Khánh T, Văn phòng Luật sư Nguyễn Khánh T, Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Địa chỉ: đường P, Khóm H, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1- Bà Huỳnh Thị Hoa S, sinh năm 1968. (có mặt)

2.2- Ông Ngô Văn S1, sinh năm 1964.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S1: Bà Huỳnh Thị Hoa S, sinh năm 1968, theo văn bản ủy quyền ngày 30-10-2017.

Cùng địa chỉ: ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1- Bà NLQ1 (D), sinh năm 1940.

3.2- Ông NLQ2, sinh năm 1988.

3.3- Bà NLQ3, sinh năm 1991.

3.4- Bà NLQ4, sinh năm 1993.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4: Bà Huỳnh Thị Hoa S, sinh năm 1968, theo văn bản ủy quyền ngày 30-10-2017.

Cùng địa chỉ: ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Người làm chứng:

4.1- Ông NLC1, sinh năm 1965. (có mặt)

4.2- Ông NLC2, sinh năm 1968. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

5. Người kháng cáo: Các nguyên đơn ông Diệp Văn H, bà Diệp Thị L, bà Diệp Thị H1, bà Diệp Thị T2, bà Diệp Thị T, bà Diệp Thị K, bà Diệp Thị H3 và bà Diệp Thị L2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Diệp Văn H, bà Diệp Thị L, bà Diệp Thị H1, bà Diệp Thị T2, bà Diệp Thị T, bà Diệp Thị K, bà Diệp Thị H3, bà Diệp Thị L2 khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Diệp Văn S3 và bà Sừ Thị E là cha, mẹ của ông Diệp Văn Đ cho ông Diệp Văn Đ trước năm 1975 với diện tích khoảng 1.000m^2,

cho không có làm giấy tờ, cho chỉ trong gia đình biết. Ông Diệp Văn S3 và bà Sừ Thị E có 03 người con là ông Diệp Văn Đ, ông Diệp Văn T3 (K) và bà NLQ1 (D). Sau năm 1975, lúc ông Diệp Văn S3 còn sống, ông đã chia đất ruộng cho ông Diệp Văn Đ 21 công, ông Diệp Văn T3 21 công, bà NLQ1 20 công. Ông Diệp Văn S3 chết năm 1988 và bà Sừ Thị E chết năm 1960, ông S3, bà E không để lại di chúc.

Sau khi được cho đất, ông Diệp Văn Đ sử dụng ổn định từ đó cho đến nay, ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một phần đất được ông S3 cho là khoảng trên 500m^2, phần đất đang tranh chấp thì chưa làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1992, vợ chồng bà Huỳnh Thị Hoa S và ông Ngô Văn S1 đến hỏi mượn phần đất đang tranh chấp để ở nhờ, ông Đ đồng ý cho vợ chồng bà S ở nhờ một phần đất để cất nhà ở, lúc đầu chỉ xây vách tường lên cao khoảng 03m và lợp tôn, vài năm sau thì ông S1 và bà S đã xây thêm vách nhà và sử dụng thêm phần đất để làm chuồng heo nâng tổng diện tích đất là 187,9m^2 như hiện trạng hiện nay. Việc mượn đất ở nhờ chỉ được hai bên thỏa thuận bằng lời nói và thỏa thuận khi nào ông Đ cần lấy lại đất thì ông S1, bà S sẽ trả lại đất, sự việc có ông NLC2 và ông NLC1 cùng cư trú ấp G, thị trấn T biết rõ. Tính đến nay ông S1 và bà S đang quản lý, sử dụng đất của ông Diệp Văn Đ cho ở nhờ diện tích đất là 187,9m^2, khi ông Đ còn sống có kiện yêu cầu ông S1 và bà S di dời nhà và công trình xây dựng trên đất trả lại nhưng ông S1 và bà S không Đ ý, sự việc chưa xong thì ông Đ chết vào ngày 10/6/2014 (khởi kiện hành chính, Ủy ban nhân dân huyện T đồng ý rút quyết định nên ông Đ cũng đã rút đơn khởi kiện hành chính, vụ việc đã được Tòa án đình chỉ giải quyết).

Nay các ông, bà Diệp Văn H, Diệp Thị L, Diệp Thị T, Diệp Thị H1, Diệp Thị T2, Diệp Thị H3, Diệp Thị K và Diệp Thị L2 là những người thừa kế của ông Diệp Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Ngô Văn S1 và bà Huỳnh Thị Hoa S phải di dời nhà và các công trình xây dựng trên đất để trả lại cho các ông, bà diện tích đất 188,9m^2 thuộc thửa số 101, tờ bản đồ số 27 đất tọa lại tại ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Hoa S, ông Ngô Văn S1 trình bày:

Nguồn gốc đất là do ông ngoại của bà Huỳnh Thị Hoa S tên là Diệp Văn S3 cho mẹ của bà S là bà NLQ1, cho vào khoảng năm 1977 – 1978, lúc cho không làm giấy tờ cũng không rõ diện tích cho là bao nhiêu (vì khi đó không đo đạc). Vào khoảng năm 1980, bà NLQ1 cất nhà ở có kết cấu xây tường lửng, vách tôn, mái lợp tôn, sau đó vài năm sau thì xây nhà hoàn chỉnh như hiện nay và làm lò rượu, xây chuồng heo.

Nay các nguyên đơn yêu cầu các bị đơn di dời nhà và các công trình xây dựng trên đất thì các bị đơn không đồng ý. Vì nguồn gốc đất là của ông ngoại bà S tên Diệp Văn S3 cho mẹ bà S là bà NLQ1 ở. Bà S ở chung với NLQ1, sau đó bà S có nâng cấp căn nhà lên thành căn nhà như hiện nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cha, mẹ bà là ông Diệp Văn S3 và bà Sừ Thị E để lại toàn bộ diện tích đất thổ cư cho 03 người con ở là bà NLQ1, ông Diệp Văn Đ và ông Diệp Văn T3 (K). NLQ1 không rõ diện tích cụ thể là bao nhiêu mét vuông. Vào năm 1977, ông S3 cho NLQ1 20.000m^2, cho ông Diệp Văn Đ 21.000m^2 và cho ông T3 21.000m^2, đất ruộng tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay các phần đất trên thuộc ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng). Đến năm 1979, ông S3

cho NLQ1 phần đất thổ cư, NLQ1 cất 01 căn nhà lá ở để đi làm ruộng. Đến năm 1980, NLQ1 dỡ căn nhà lá và xây căn nhà tường lững, cột đúc, lợp tôn, vài năm sau thì xây tường kín lên đến mái, đến năm 2010 thì sửa lại hoàn thiện kiên cố như hiện nay, tiền xây nhà do bà bỏ ra khoảng 200.000.000 đồng.

Nay bà không Đ ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn vì diện tích đất trên là do cha bà là ông Diệp Văn S3 cho bà cất nhà để ở và bà đã xây dựng nhà kiên cố để ở từ năm 1980 cho đến nay.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 22-8-2017 đã quyết định như sau:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 92 khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 165 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

- Khoản 1 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Diệp Văn H, bà Diệp Thị L, bà Diệp Thị H1, bà Diệp Thị T2, bà Diệp Thị T, bà Diệp Thị K, bà Diệp Thị H3 và bà Diệp Thị L2 đối với yêu cầu khởi kiện buộc các bị đơn Huỳnh Thị Hoa S và Ngô Văn S1 phải di dời nhà và các công trình xây dựng trên diện tích đất 188,9m^2 thuộc thửa số 101, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng để trả lại diện tích đất cho các nguyên đơn là người thừa kế của ông Diệp Văn Đ. Vị trí, hình thể và số đo tứ cận của phần đất này được thể hiện cụ thể trong Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất lập ngày 01/7/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T được đính kèm bản án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 5-9-2017, các nguyên đơn ông Diệp Văn H, bà Diệp Thị L, bà Diệp Thị H1, bà Diệp Thị T2, bà Diệp Thị T, bà Diệp Thị K, bà Diệp Thị H3 và bà Diệp Thị L2 cùng có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Với các lý do như sau:

+ Phần đất tranh chấp diện tích 188,9m^2 có nguồn gốc của cha các nguyên đơn là ông Diệp Văn Đ cho vợ chồng bà S, ông S1 mượn ở nhờ từ năm 1992. Phần đất này là cha các nguyên đơn được ông nội là cụ S3 cho từ năm 1960 chứ không phải là di sản thừa kế của ông nội các nguyên đơn để lại cho NLQ1.

+ Vợ chồng bị đơn bắt đầu sử dụng thửa đất này năm 1992 chứ không phải NLQ1 sử dụng từ năm 1977-1978 như các bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày. Vì năm 1977-1978 NLQ1 có chồng về Cần Thơ sinh sống. Đồng thời bị

đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có căn cứ gì chứng minh đã ở trên đất này từ năm 1977-1978.

+ Người làm chứng ông NLC2, ông NLC1 cũng khai và xác nhận đất này là bị đơn mượn của cha các nguyên đơn là ông Đ từ năm 1992 chứ không phải được cụ S3 cho NLQ1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà L2 đồng thời là người đại diện các nguyên đơn còn lại không rút lại đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ nguyên đơn trình bày cho rằng đất tranh chấp là cụ S3 chia cho ông Đ trước năm 1975 có người làm chứng cũng thừa nhận. Năm 1992 ông Đ mới cho vợ chồng bà S ở nhờ, hai người làm chứng cũng xác định là đúng. Bị đơn thì cho rằng đất này NLQ1 được cụ S3 cho từ năm 1977-1978 thì cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Ngoài ra đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Tòa án sơ thẩm chưa hỏi về quá trình sử dụng đất cũng như quy hoạch sử dụng đất, mà chỉ căn cứ lời khai bị đơn bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đánh giá chứng cứ và chứng minh chưa đầy đủ, vi phạm thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất tranh chấp diện tích 188,9m^2 thuộc thửa số 101, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc là của cụ Diệp Văn S3 là cha của ông Diệp Văn Đ và bà NLQ1. Đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay gia đình bị đơn đã xây dựng nhà kiên cố và cất chuồng heo, lò nấu rượu, nhà vệ sinh.

[2] Các nguyên đơn thì cho rằng phần đất trên cha các nguyên đơn là ông Diệp Văn Đ được ông nội là cụ Diệp Văn S3 cho từ năm 1960, sau đó ông Đ cho vợ chồng bà S, ông S1 mượn ở nhờ từ năm 1992, việc cho, mượn đất như trên chỉ nói miệng với nhau mà không có giấy tờ. Bị đơn bà S thì cho rằng đất này mẹ bà là bà NLQ1 được ông ngoại là cụ S3 cho từ những năm 1977-1978, việc cho đất cũng chỉ nói miệng, bà không có mượn đất của ông Đ.

[3] Xét thấy, thửa đất số 101 trên vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đất là của cụ S3, cụ S3 chết không di chúc lại phần đất này cho ai, hiện con cháu cụ ở trên phần đất này, trong đó gia đình NLQ1 là con ruột cụ S3 đã cất nhà ở diện tích 188,9m^2 trên thửa số 101 này từ trước năm 1980, sau đó sửa chữa và xây cất nhà kiên cố thì ông Đ khi còn sống cũng không có ý kiến hay phản đối gì. Nay các nguyên đơn đi khởi kiện đòi lại đất cho ở nhờ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đất này là cụ S3 cho ông Đ. Các nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông Đ có cho vợ

chồng bị đơn mượn đất này ở nhờ từ năm 1992 như các nguyên đơn trình bày. Các nguyên đơn đưa ra người làm chứng là ông NLC1, ông NLC2 và cho rằng hai người làm chứng này biết việc vợ chồng bị đơn có mượn đất tranh chấp của ông Đ từ năm 1992, chứ không phải NLQ1 được cụ S3 cho đất này. Thấy rằng NLC1 và NLC2 là con của ông Diệp Văn T3, NLC1 sinh năm 1965 và NLC2 sinh năm 1968, trong khi phía nguyên đơn trình bày về đất này ông Đ được cụ S3 cho từ những năm 1960, bị đơn thì trình bày đất này NLQ1 được cụ S3 cho từ những năm 1977-1978. Như vậy thời điểm 1960 người làm chứng chưa được sinh ra, còn thời điểm 1977-1978 người làm chứng còn nhỏ không thể chứng kiến hiểu biết được sự việc. Đồng thời, NLC1 và NLC2 cũng trình bày là hai ông không trực tiếp chứng kiến việc cụ S3 cho đất ông Đ cũng như việc ông Đ cho vợ chồng bị đơn mượn đất ở nhờ mà chỉ nghe ông Đ nói lại, nên lời trình bày của những người làm chứng không đủ cơ sở để khẳng định đất tranh chấp là cụ S3 đã cho ông Đ, sau đó ông Đ cho vợ chồng bị đơn mượn ở nhờ như các nguyên đơn trình bày.

Tại các công văn số 469/PTNMT ngày 27-10-2016, công văn số 60/PTNMT ngày 18-02-2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, công văn số 14/CV-CNVPDKDĐ ngày 8-3-2016 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện T (được Ủy ban nhân dân huyện T giao) trả lời cho Tòa án cũng đã thể hiện về quá trình sử dụng đất cũng như quy hoạch sử dụng đất đầy đủ. Bên cạnh đó do nguồn gốc đất tranh chấp các đương sự đều thừa nhận là của cụ S3, đồng thời trong vụ án bị đơn cũng không phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[4] Tại phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp Tờ chúc ngôn của ông Diệp Văn S3 và Đơn xin xác nhận của bà Diệp Thị L2 ngày 17-11-2017. Xét thấy, Tờ chúc ngôn và Đơn xin xác nhận trên cũng không thể hiện diện tích 188,9m^2 đất tranh chấp là cụ S3 tặng cho ông Đ. Nguyên đơn kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở, nên kháng cáo không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Qua những phân tích như đã nêu trên, sau khi đã thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ.

[6] Xét trình bày của Luật sư bảo vệ các nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo ông Diệp Văn H, bà Diệp Thị L, bà Diệp Thị H1, bà Diệp Thị T2, bà Diệp Thị T, bà Diệp Thị K, bà Diệp Thị H3 và bà Diệp Thị L2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 148 và Khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1/. Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn ông Diệp Văn H, bà Diệp Thị L, bà Diệp Thị H1, bà Diệp Thị T2, bà Diệp Thị T, bà Diệp Thị K, bà Diệp Thị H3 và bà Diệp Thị L2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/DS-ST ngày 22-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng như sau:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Diệp Văn H, bà Diệp Thị L, bà Diệp Thị H1, bà Diệp Thị T2, bà Diệp Thị T, bà Diệp Thị K, bà Diệp Thị H3 và bà Diệp Thị L2 đối với yêu cầu khởi kiện buộc các bị đơn Huỳnh Thị Hoa S và Ngô Văn S1 phải di dời nhà và các công trình xây dựng trên diện tích đất 188,9m^2 thuộc thửa số 101, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng để trả lại diện tích đất cho các nguyên đơn là người thừa kế của ông Diệp Văn Đ.

Vị trí, hình thể và số đo tứ cận của phần đất này được thể hiện cụ thể trong Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất lập ngày 01/7/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T đính kèm bản án.

2. Về chi phí tố tụng: Các nguyên đơn ông Diệp Văn H, bà Diệp Thị L, bà Diệp Thị H1, bà Diệp Thị T2, bà Diệp Thị T, bà Diệp Thị K, bà Diệp Thị H3 và bà Diệp Thị L2 phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí giám định và định giá tài sản là 5.516.000 đồng, do các nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước số tiền này, do đó các nguyên đơn đã thực hiện xong các chi phí trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn phải cùng chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 3.250.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/002079 ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, như vậy các nguyên đơn được nhận lại số tiền chênh lệch là 3.050.000 đồng.

2/. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Diệp Văn H, bà Diệp Thị L, bà Diệp Thị H1, bà Diệp Thị T2, bà Diệp Thị T, bà Diệp Thị K, bà Diệp Thị H3 và bà Diệp Thị L2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006429 (bà L2), số 0006430 (bà H3), số 0006431 (bà K), số 0006432 (bà T), số 0006433 (bà Thành), số 0006434 (bà H1), số 0006435 (bà L), số 0006436 (ông H) cùng ngày 5-9-2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T phát hành. Như vậy các nguyên đơn đã nộp xong tiền phí phúc thẩm.

3/. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện T;
- Chi cục huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thiện Kế